



**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng Cân đối kế toán (B01 - DN)	04 – 05
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	06
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	07
Thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN)	08 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Ủy viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Hanh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Tăng	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc
	Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc
	Ông Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Giám đốc

Phạm Hồng Minh

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

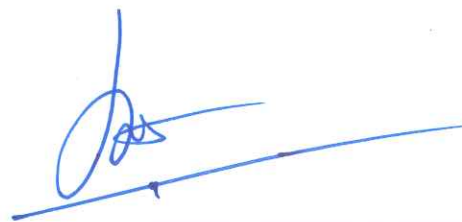
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đỗ Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2582-2018-239-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022



Vũ Xuân Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2360-2019-239-1

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.450.620.643	46.643.604.247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.426.645.434	2.230.943.497
1. Tiền	111		8.426.645.434	2.230.943.497
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.117.364.836	39.306.717.450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.473.893.184	29.638.529.175
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	298.217.860	381.543.800
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.345.253.792	9.286.644.475
IV. Hàng tồn kho	140		5.817.619.540	5.105.943.300
1. Hàng tồn kho	141	9	5.817.619.540	5.105.943.300
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.990.833	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	88.990.833	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.189.823.094	10.757.352.330
II. Tài sản cố định	220		8.572.166.589	9.932.798.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.572.166.589	9.932.798.398
- Nguyên giá	222		32.257.806.017	33.224.046.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.685.639.428)	(23.291.248.436)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		617.656.505	824.553.932
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	617.656.505	824.553.932
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		64.640.443.737	57.400.956.577

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY

NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		50.539.584.111	43.841.571.458
I. Nợ ngắn hạn	310		50.236.076.387	43.379.686.204
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.812.572.402	9.369.258.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.763.107.919	3.533.129.427
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.226.567.632	3.335.379.668
4. Phải trả người lao động	314		4.542.500	1.093.812.942
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	19.641.833.549	7.554.281.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16a	20.738.755.622	18.177.389.506
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		48.696.763	316.435.364
II. Nợ dài hạn	330		303.507.724	461.885.254
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16b	303.507.724	461.885.254
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		14.100.859.626	13.559.385.119
I- Vốn chủ sở hữu	410	17	14.100.859.626	13.559.385.119
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.000.000	598.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.705.859.626	1.244.385.119
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.705.859.626	1.244.385.119
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		64.640.443.737	57.400.956.577

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	117.589.708.287	137.952.860.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		117.589.708.287	137.952.860.774
4. Giá vốn hàng bán	11	19	103.973.621.123	122.291.231.809
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.616.087.164	15.661.628.965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.940.648	7.539.182
7. Chi phí tài chính	22	21	1.923.291.480	1.993.532.914
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.923.291.480	1.993.532.914
8. Chi phí bán hàng	25	22a	3.949.438.902	3.830.333.892
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22b	5.546.251.658	6.343.253.116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.201.045.772	3.502.048.225
11. Thu nhập khác	31	23a	111.531.628	29.959.208
12. Chi phí khác	32	23b	151.114.503	1.193.713.430
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(39.582.875)	(1.163.754.222)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.161.462.897	2.338.294.003
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	355.603.271	428.908.884
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.805.859.626	1.909.385.119
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.557	1.159

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.161.462.897	2.338.294.003
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.651.700.973	1.627.440.202
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(113.395.194)	360.695.367
- Chi phí lãi vay	06		1.923.291.480	1.993.532.914
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.623.060.156	6.319.962.486
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.899.638.219)	(9.161.118.562)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(711.676.240)	(2.474.941.568)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.936.068.281	11.700.836.361
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		206.897.427	(392.963.670)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.923.291.480)	(1.993.532.914)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(728.908.884)	(314.234.373)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(517.123.720)	(464.080.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		4.985.387.321	3.219.926.960
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(291.069.164)	(1.093.714.411)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		109.454.546	345.454.545
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.940.648	7.539.182
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(177.673.970)	(740.720.684)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		47.298.776.625	38.400.139.506
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44.895.788.039)	(37.804.360.652)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.015.000.000)	(986.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		1.387.988.586	(390.221.146)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> <i>(50 = 20+30+40)</i>	50		6.195.701.937	2.088.985.130
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		2.230.943.497	141.958.367
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i> <i>(70 = 50+60+61)</i>	70	5	8.426.645.434	2.230.943.497

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập

✓ Kế toán trưởng

Giám đốc







Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường

Phạm Hồng Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2021***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng). được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Bắc Giang	Số 86 đường Châu Xuyên, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Quang Châu	Thôn Đạo Ngạn, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Lục Nam	Thôn Già Khê, Xã Tiên Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Bồ Hạ	Phố Gia Lâm, Thị trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Đa Phúc - Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4	Xóm Công Thương, Xã Thuận Thành, Thị xã Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 tại Nam Định	Km32 Sông Đào thôn Phạm Xá, Xã Yên Nhân, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-50 năm	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	03-07 năm	03-07 năm
Phương tiện vận tải	07-15 năm	07-15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm	05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- *Phải trả người bán* : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- *Phải trả khác* gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- *Một số khoản công nợ phải trả nhà cung cấp đang theo dõi và phản ánh sang khoản mục công nợ phải trả khác với đối tượng là các đối thi công công trình. Việc theo dõi như vậy là dựa trên hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đối thi công công trình, theo đó tại thời điểm cuối kỳ, công nợ phải trả khác của các*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo để thi công công trình bao gồm công nợ phải trả nhà cung cấp vật tư cho công trình tương ứng, công nợ phải trả cán bộ nhân viên công tác tại đội thi công.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu hợp đồng xây dựng:***

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	445.102.415	491.506.599
Tiền gửi ngân hàng	7.981.543.019	1.739.436.898
Cộng	8.426.645.434	2.230.943.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam	9.407.253.316	14.058.365.801
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Định Phương	-	402.743.769
Công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh	-	2.039.520.800
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh	1.977.973.000	-
Phòng Quản lý đô thị thành phố Từ Sơn	3.469.982.387	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.618.684.481	13.137.898.805
Cộng	23.473.893.184	29.638.529.175

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại vận tải Hải Toàn	-	74.101.754
Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại 568	80.000.000	80.000.000
Khách sạn Mường Thanh - Nghệ An	50.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí xây dựng và thương mại Thu Duyên	-	122.430.000
Công ty TNHH giải pháp CN số Ánh Dương	135.000.000	54.000.000
Trả trước đối tượng khác	33.217.860	51.012.046
Cộng	298.217.860	381.543.800

8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Tạm ứng	2.933.404.543	-	2.984.542.333	-
- Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	371.317.777	-	946.732.149	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	13.107.797.739	-	4.422.636.262	-
- Phải thu khác	932.733.733	-	932.733.731	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	17.345.253.792	-	9.286.644.475	-

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX KDDD	4.899.185.055	-	4.241.836.645	-
Hàng hóa	918.434.485	-	864.106.655	-
Cộng	5.817.619.540	-	5.105.943.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	10.490.578.353	1.054.901.870	21.632.566.611	46.000.000	33.224.046.834
Tăng trong năm	-	-	291.069.164	-	291.069.164
Mua trong năm	-	-	291.069.164	-	291.069.164
Giảm trong năm	-	-	1.257.309.981	-	1.257.309.981
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.257.309.981	-	1.257.309.981
Số dư tại 31/12/2021	10.490.578.353	1.054.901.870	20.666.325.794	46.000.000	32.257.806.017
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	4.875.836.824	669.134.146	17.700.277.466	46.000.000	23.291.248.436
Tăng trong năm	749.349.191	73.323.648	829.028.134	-	1.651.700.973
Khấu hao trong năm	749.349.191	73.323.648	829.028.134	-	1.651.700.973
Giảm trong năm	-	-	1.257.309.981	-	1.257.309.981
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.257.309.981	-	1.257.309.981
Số dư tại 31/12/2021	5.625.186.015	742.457.794	17.271.995.619	46.000.000	23.685.639.428
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2021	5.614.741.529	385.767.724	3.932.289.145	-	9.932.798.398
Tại 31/12/2021	4.865.392.338	312.444.076	3.394.330.175	-	8.572.166.589

- Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.035.362.952 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.279.195.375 VND).
- Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.160.674.001 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.915.608.840 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	193.438.274	215.831.246
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng ISO, chi phí sửa chữa	424.218.231	608.722.686
Cộng	617.656.505	824.553.932

Đơn vị tính: VND

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	879.987.545	879.987.545	984.066.809	984.066.809
Công ty cổ phần đảm bảo an toàn đường thủy Mạnh Hưng	434.492.000	434.492.000	1.037.584.000	1.037.584.000
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	375.639.400	375.639.400	282.506.600	282.506.600
Công ty xây dựng và thương mại Đại Tâm	968.740.720	968.740.720	2.219.247.720	2.219.247.720
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Giao thông Kinh Bắc	862.697.769	862.697.769	2.024.654.000	2.024.654.000
Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Lâm Đại Dương BN	-	-	792.000.000	792.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.291.014.968	1.291.014.968	2.029.198.945	2.029.198.945
Cộng	4.812.572.402	4.812.572.402	9.369.258.074	9.369.258.074

Đơn vị tính: VND

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.763.107.919	3.533.129.427
Công ty TNHH xây dựng Quý Đức	-	158.633.300
Trường THPT Tiên Du số 1	-	2.700.000.000
Đối tượng khác	1.763.107.919	674.496.127
Cộng	1.763.107.919	3.533.129.427

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	3.335.379.668	4.665.298.546	4.774.110.582	3.226.567.632
Thuế giá trị gia tăng	2.910.842.224	4.100.611.135	3.840.488.998	3.170.964.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp	424.537.444	359.974.711	728.908.884	55.603.271
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	193.712.700	193.712.700	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Phải thu	-			88.990.833
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.859.175	121.850.008	88.990.833

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	458.040.481	490.901.468
Bảo hiểm y tế	449.562.479	38.822.495
Bảo hiểm tại nạn lao động	-	4.313.610
Bảo hiểm thất nghiệp	160.468.585	17.254.439
Phải trả, phải nộp khác	5.809.764.000	374.417.832
Phải trả các xí nghiệp, các trạm	12.763.998.004	6.628.571.379
Cộng	19.641.833.549	7.554.281.223

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Số có khả				Số có khả	
	Giá trị	năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	20.738.755.622	20.738.755.622	47.298.776.625	44.737.410.509	18.177.389.506	18.177.389.506
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh	-	-	15.400.000.000	20.050.000.000	4.650.000.000	4.650.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh (1)	2.148.000.000	2.148.000.000	8.592.000.000	8.408.000.000	1.964.000.000	1.964.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Ninh (2)	2.886.961.553	2.886.961.553	7.936.842.556	5.049.881.003	-	-
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh (3)	10.976.765.749	10.976.765.749	10.976.765.749	958.139.506	958.139.506	958.139.506
Vay cá nhân (4)	4.727.028.320	4.727.028.320	4.393.168.320	10.271.390.000	10.605.250.000	10.605.250.000
b. Vay dài hạn	303.507.724	303.507.724	-	158.377.530	461.885.254	461.885.254
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh (5)	303.507.724	303.507.724	-	158.377.530	461.885.254	461.885.254
Tổng	21.042.263.346	21.042.263.346	47.298.776.625	44.895.788.039	18.639.274.760	18.639.274.760

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 856/2021/HĐHM-9235 ngày 29/12/2021 với Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Bắc Ninh. Hạn mức cấp tín dụng tối đa: 30.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 29/12/2021. Lãi suất: theo thỏa thuận của hai bên tại Khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1119/2019/HĐTC-9235 ngày 11/12/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Bắc Ninh và Bà Nguyễn Thị Tường Vy.

(2) Hợp đồng tín dụng số 2602LAV202102592 ngày 17/12/2021 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN TP Bắc Ninh. Hạn mức cho vay: 3.500.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh đầu Diezen, bảo trì đường thủy, xây dựng công trình. Lãi suất: cụ thể theo từng khế ước nhận nợ và ưu đãi 7,2%/năm đến hết ngày 31/12/2021. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2602LCL202001662 ngày 16/12/2020 ký giữa Agribank - CN Bắc Ninh và Ông Nguyễn Tiến Huy, Bà Phạm Thị Yến và Công ty CP Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa số 4; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2602LCL202001661 ngày 16/12/2020 ký giữa Agribank - CN Bắc Ninh và Ông Phạm Hồng Minh, Bà Trịnh Dương Thùy Liên và Công ty CP Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa số 4; Phao đầu BN - 1704 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2602LCL202001660 ngày 16/12/2020.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/21079 ngày 21/10/2021 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh. Hạn mức cho vay: 15.000.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh buôn bán xăng dầu, bao gồm thanh toán chi phí mua xăng dầu và chi phí lương nhân viên. Lãi suất: cụ thể trong các Khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng. Biện pháp đảm bảo: toàn bộ tài sản gắn liền với đất và lợi thế quyền sử dụng cơ sở hạ tầng gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, Địa chỉ: Phường Đại Phúc,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và thửa đất số 107, tờ bản đồ số 77, Địa chỉ: phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 188834, Số vào sổ cấp GCN: CT08273 do UBND Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 07/10/2015.

(4) Các HĐ huy động vốn cá nhân có lãi suất là 12% trả lãi vay hàng quý. Mục đích: bổ sung vốn lưu động.

(5) Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/BN/2018/CA-0539 ngày 08/11/2018 với mục đích sử dụng: mua ô tô mới. Giá trị tổng hạn mức tín dụng là 805 triệu đồng, phương thức cho vay: cho vay theo từng lần, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 60 tháng. Lãi suất vay được thỏa thuận phù hợp giữa các bên theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Tài sản đảm bảo là xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, số khung: MHFJX3GSGJ0581034, số máy A5200032TR, biển số: 99A-256.85 trị giá một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	11.600.000.000	117.000.000	498.000.000	986.000.000	13.201.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.909.385.119	1.909.385.119
Phân phối lợi nhuận (2020)	-	-	100.000.000	(665.000.000)	(565.000.000)
Chia trả cổ tức (2019)	-	-	-	(986.000.000)	(986.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	11.600.000.000	117.000.000	598.000.000	1.244.385.119	13.559.385.119
Số dư tại 01/01/2021	11.600.000.000	117.000.000	598.000.000	1.244.385.119	13.559.385.119
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.805.859.626	1.805.859.626
Phân phối lợi nhuận (2021)	-	-	80.000.000	(329.385.119)	(249.385.119)
Chia trả cổ tức (2020)	-	-	-	(1.015.000.000)	(1.015.000.000)
Số dư tại 31/12/2021	11.600.000.000	117.000.000	678.000.000	1.705.859.626	14.100.859.626

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	5.916.000.000	5.916.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.684.000.000	5.684.000.000
Cộng	11.600.000.000	11.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.344.385.119	1.651.000.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	59.993.942.425	60.312.900.491
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.098.835.362	16.113.935.010
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	39.496.930.500	61.526.025.273
Cộng	117.589.708.287	137.952.860.774

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	55.468.102.093	55.224.539.512
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.715.581.095	9.865.643.699
Giá vốn Hợp đồng xây dựng	36.789.937.935	57.201.048.598
Cộng	103.973.621.123	122.291.231.809

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.940.648	7.539.182
Cộng	3.940.648	7.539.182

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.923.291.480	1.993.532.914
Tổng	1.923.291.480	1.993.532.914

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a. Chi phí bán hàng	3.949.438.902	3.830.333.892
Chi phí nhân viên	1.956.675.451	1.249.189.930
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	474.462.679	379.928.441
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	-	13.009.180
Chi phí khấu hao TSCĐ	521.601.793	575.923.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.899.089	67.350.160
Chi phí bằng tiền khác	994.799.890	1.544.932.969
- Chi phí hoa hồng, khuyến mại	114.643.180	543.362.200
- Chi tiếp khách, khánh tiết	211.972.900	252.271.200
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	668.183.810	749.299.569
b. Chi phí quản lý	5.546.251.658	6.343.253.116
Chi phí nhân viên quản lý	2.282.676.052	2.497.447.588
Chi phí vật liệu quản lý	143.061.678	148.961.735
Chi phí đồ dùng văn phòng	228.724.427	241.373.811
Chi phí khấu hao TSCĐ	622.249.828	555.037.854
Thuế phí và lệ phí	518.836.234	832.159.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.560.412	130.138.831
Chi phí bằng tiền khác	1.635.143.027	1.938.134.257
- Chi tiếp khách, khánh tiết	752.177.908	557.183.748
- Chi phí bằng tiền khác	882.965.119	1.380.950.509
Cộng	9.495.690.560	10.173.587.008

23. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a. Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	109.454.546	-
Thu nhập khác	2.077.082	29.959.208
Cộng	111.531.628	29.959.208
b. Chi phí khác		
Phạt, lãi chậm nộp thuế và Bảo hiểm	148.560.467	92.379.562
Lỗi thanh lý tài sản	-	368.234.549
Xuất toán theo kiểm tra cơ quan Nhà nước	-	112.961.307
Xử lý công nợ phải thu	2.554.036	580.138.000
Chi phí khác	-	40.000.012
Cộng	151.114.503	1.193.713.430
Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)	(39.582.875)	(1.163.754.222)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.161.462.897	2.338.294.003
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	378.560.467	725.340.881
Thu nhập chịu thuế	2.540.023.364	3.063.634.884
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	355.603.271	428.908.884
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	508.004.673	612.726.977
Miễn giảm theo Nghị Định 92/2020/NĐ-CP	-	(183.818.093)
Miễn giảm theo Nghị Định 114/2021/NĐ-CP	(152.401.402)	-
Cộng	355.603.271	428.908.884

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.805.859.626	1.909.385.119
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	249.385.119	565.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.805.859.626	1.344.385.119
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.557	1.159

(*) Khoản điều chỉnh giảm năm 2021 là khoản tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được thông qua đại hội đồng cổ đông năm 2021. Chỉ tiêu này có thể thay đổi khi có Nghị quyết đại hội cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TIỀN LƯƠNG CỦA GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC TRONG NĂM**Thù lao thành viên Hội đồng quản trị**

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Phi Trường	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Phạm Hồng Minh	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Phạm Văn Hanh	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Cộng		72.000.000	72.000.000

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Trần Thị Thoan	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Lê Cao Khánh	Thành viên BKS	12.000.000	6.000.000
Trần Thị Kiều	Thành viên BKS	8.400.000	6.000.000
Cộng		50.400.000	42.000.000

Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	329.040.000	278.480.000
Phạm Văn Hanh	Ủy viên HĐQT	302.520.000	200.273.000
Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên HĐQT	233.880.000	198.718.000
Phạm Hồng Minh	Giám đốc	234.333.333	241.512.000
Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc	387.192.939	227.043.400
Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc	264.785.333	214.680.000
Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc	226.435.000	215.324.000
Vũ Xuân Trường	Kế toán trưởng	414.949.654	158.634.000
Đỗ Thị Kim Tuyền	Người công bố thông tin	115.751.894	135.834.000

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần bởi Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY

NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày ở trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập

✓ Kế toán trưởng

Giám đốc

Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh